TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM -ST

Ngày: 26 - 4 - 2023

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Tùng và bà Lê Thị Thường.

Thư ký phiên toà: Bà Phan Lệ Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2022/TLST-KDTM, ngày 03 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST - KDTM, ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X.

Địa chỉ: C, số 72 L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Đ, chức vụ: Quyền Giám đốc Ngân hàng TMCP X– chi nhánh Vinh.

Địa chỉ: Tòa nhà T, số L, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Khắc T – Cán bộ RBO, Phòng khách hàng cá nhân. (Theo Giấy ủy quyền số 163/2022/EIBV-UQ ngày 01/12/2022). Có mặt.

- Bị đơn:

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1980. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Vắng mặt

Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Nơi cư trú: Xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Nguyễn Khắc T trình bày:

Ngày 07/01/2022 Ngân hàng TMCP X chi nhánh Vinh ký Hợp đồng tín dụng số 1602 – LAV-220001325 cho anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H vay số tiền 1.870.000.000đ (Một tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn kinh doanh buôn bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thời hạn vay 09 tháng từ ngày 07/01/2022 đến ngày 07/10/2022, lịch trả nợ gốc trả một lần khi đáo hạn khoản vay, lịch trả lãi hàng tháng vào ngày 15, kỳ đầu tiên trả nợ lãi là ngày 15/02/2022, kỳ trả nợ lãi cuối cùng là ngày 07/10/2022, lãi suất cho vay 9%/năm cố định suốt thời gian vay, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, lãi trên số tiền chậm trả là 10%/năm.

Ngân hàng TMCP X đã giải ngân và anh T, chị H đã nhận nợ theo Khế ước nhận nợ số 1602 – LDS – 220000014 ngày 07/01/2022.

Để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng trên, anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H đã ký với Ngân hàng TMCP X Hợp đồng thế chấp số 004/EIBV-TDCN/BĐTS/22 ngày 06/01/2022, được công chứng tại Phòng công chứng số I tỉnh Nghệ An ngày 06/01/2022, số công chứng 80 quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quỳnh Lưu ngày 06/01/2022, số đăng ký 64, quyển số 01. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 141, tờ bản đồ số 13, diện tích 283,5m^2 đất ở nông thôn, tại xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An. Thửa đất được UBND huyện Quỳnh Lưu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 17/12/2021 số DD158602, số vào sổ CH01351 cho anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H mới thanh toán được cho Ngân hàng TMCP X số tiền lãi 59.079.448đ (Năm mươi chín triệu không trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng). Từ ngày 16/5/2022 anh T, chị H không thanh toán nợ theo đúng cam kết. Ngân hàng TMCP X đã nhiều lần mời anh T, chị H làm việc, yêu cầu

thanh toán nợ nhưng đến nay anh T, chị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 26/04/2023 anh T, chị H còn nợ Ngân hàng TMCP X, chi nhánh Vinh số tiền (theo Hợp đồng tín dụng số 1602 – LAV-220001325) là 2.081.328.137 đồng. Trong đó, nợ gốc: 1.870.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 66.857.556 đồng, nợ lãi quá hạn: 139.712.055 đồng, lãi trên số tiền chậm trả lãi: 4.758.526 đồng.

Ngoài khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trên, ngày 07/01/2022 Ngân hàng TMCP X còn ký Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế với hạn mức tín dụng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên, Ngân hàng TMCP X đã phát hành thẻ tín dụng Visa Gold cho chị Nguyễn Thị H, số thẻ VL642527, thời hạn 36 tháng (từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2025). Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/4/2023 là 163.168.926 đồng, trong đó, nợ gốc: 94.890.497 đồng, nợ lãi và phí 68.278.429 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP X yêu cầu:

Buộc anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H thanh toán cho Ngân hàng TMCP X toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 26/4/2023 là 2.081.328.137 đồng. Trong đó, nợ gốc: 1.870.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 66.857.556 đồng, nợ lãi quá hạn: 139.712.055 đồng, lãi trên số tiền chậm trả lãi: 4.758.526 đồng, trả một lần ngay khi Bản án có hiệu lực. Tiền lãi tiếp tục được tính từ ngày 27/04/2023 cho đến khi bà H, ông T trả hết nợ cho E theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp chị H, anh T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì E được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa đất số 141, tờ bản đồ số 13, diện tích 283,5m^2 và tài sản gắn liền với đất tại xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An đứng tên chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 158602, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 01351 ngày 17/12/2021 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An cấp để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng E thì chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng E đến khi trả hết nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo còn thừa sau khi đã thanh toán đầy đủ khoản nợ của anh T, chị H thì Ngân hàng E phải trả lại cho anh H, chị T.

Chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng E tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 26/04/2023 đối với thẻ tín dụng VL642527 là 163.168.926 đồng, trong đó, nợ gốc: 94.890.497 đồng, nợ lãi và phí 68.278.429 đồng. Tiền lãi và phí tiếp tục được tính từ ngày 27/04/2023 cho đến khi chị H trả hết nợ cho Ngân hàng E theo mức lãi suất trong Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế đã ký.

Bị đơn anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử vụ án, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T, chị H nhưng anh T, chị H vắng mặt, không có bản tự khai, không gửi ý kiến trình bày cho Tòa án.

Kết quả xác minh ngày 20/12/2022 của Công an xã T như sau:

Anh Trần Văn T, sinh năm 1980 hiện đang có hộ khẩu thường trú tại xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú tại xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Trước đây anh T, chị H sinh sống thường xuyên tại xóm A, xã T. Sau khi vợ chồng làm ăn thua lỗ, chị H đã bỏ đi, hiện không rõ địa chỉ, không có thông tin tạm trú ở nơi khác. Anh T vẫn đang ở địa phương nhưng do nợ nần nhiều nên nhà luôn đóng cửa, không ai gặp được.

Kết quả xác minh ngày 10/3/2023 tại Công an xã N, thành phố V như sau: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/12/1984, có số CMND 186065485, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm B, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Chị H không ăn ở, sinh hoạt và không có mặt tại địa phương. Cùng nơi đăng ký hộ khẩu với chị Hạnh tại xóm B, xã N có mẹ đẻ là bà Hồ Thị L, sinh năm 1948 và bố đẻ ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1950. Bà L và ông N hiện đang có mặt thường xuyên tại địa phương.

Tại Công văn số 28577/QDXNC-P5 ngày 29/12/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh như sau: Có trường hợp Trần Văn T, sinh ngày 21/4/1980, khai hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện L, Nghệ An đã sử dụng hộ chiếu số C4492485 để xuất cảnh ngày 04/10/2019 và nhập cảnh ngày 08/10/2019 qua cửa khẩu Nội Bài. Không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất cảnh của trường hợp Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/12/1984.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Về thẩm quyền thụ lý vụ án; Tư cách tham gia tố tụng; Quan hệ tranh chấp; Xác minh thu thập chứng cứ; Tổ chức hòa giải và tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Thời hạn chuẩn bị xét xử; Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đều đúng theo quy định của BLTTDS. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án là không tuân thủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 317, 318, 319, 320, 351 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP; Khoản 4 Điều 13; khoản 1 Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; Điều 147, 262 BLTTDS năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X.

Buộc anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm tính đến ngày 26/4/2023 là 2.081.328.137đ (trong đó: nợ gốc: 1.870.000đ; lãi trong hạn: 66.857.556đ; lãi quá hạn: 139.712.055đ; lãi trên số tiền lãi chậm trả: 4.758.526đ), tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 27/4/2023 đến khi anh Thúy, chị Hạnh thanh toán xong nợ cho Ngân hàng E theo mức thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1602- LDS-220000014 ngày 07/01/2022 hai bên đã ký kết.

Trường hợp chị H, anh T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất thửa đất số 141, tờ bản đồ số 13, diện tích 283,5m^2 và tài sản gắn liền với đất tại xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 004/EIBV-TDCN/BĐTS/22 ngày 06/01/2022 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP X tạm tính đến ngày 26/04/2023 là 163.168.926 đồng, trong đó, nợ gốc: 94.890.497 đồng, nợ lãi và phí 68.278.429 đồng. Tiền lãi tiếp tục được tính theo mức lãi suất thỏa thuận đã

ký kết trong Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế và Quyết định 8786/2020/EIB/QĐ-TGĐ ngày 03/12/2022 của Tổng giám đốc E ban hành Quy định Thư tín dụng cho đến khi chị H thanh toán hết nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) thỏa thuận chịu cả nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm ký kết các Hợp đồng với Ngân hàng TMCP X, anh T, chị H cư trú tại xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn như trong hợp đồng hai bên đã ký kết. Nguyên đơn và bị đơn đều có giấy phép đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là vụ án kinh doanh thương mại về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn, nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về yêu cầu thanh toán khoản vay của Ngân hàng:

Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-220001325 ngày 07/01/2022 giữa E và anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị H được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức hợp đồng. Do đó hợp đồng các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện các hợp đồng, nguyên đơn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay là giao đủ tiền theo khế ước nhận nợ và hợp đồng tín dụng mà hai bên đã kí. Tuy nhiên, về phía bị đơn, đến hạn thanh toán hợp đồng, anh T, chị H đã không thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi cho Ngân hàng E nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết và phải chịu mức lãi

suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 16/5/2022. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T, chị H không có mặt và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác; anh T, chị H vẫn chưa trả hết được tiền gốc cũng như tiền lãi nên phải chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất phạt chậm trả theo cam kết hợp đồng và khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết. Vì vậy, việc Ngân hàng E khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H trả số tiền nợ gốc và các khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký (lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận. Mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên cần buộc anh T, chị H trả cho ngân hàng khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 26/4/2023 như nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ, buộc bị đơn Trần Văn T và Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng E toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 26/04/2023 là 2.081.328.137 đồng. Trong đó, nợ gốc: 1.870.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 66.857.556 đồng, nợ lãi quá hạn: 139.712.055 đồng, lãi trên số tiền chậm trả lãi: 4.758.526 đồng**.** Tiền lãi tiếp tục được tính từ ngày 27/04/2023 cho đến khi chị H, anh T trả hết nợ cho Ngân hàng E theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng E tổng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 26/4/2023 đối với thẻ tín dụng số VL642527 là 163.168.926 đồng, trong đó, nợ gốc: 94.890.497 đồng, nợ lãi và phí 68.278.429 đồng. Tiền lãi và phí tiếp tục được tính từ ngày 27/04/2023 cho đến khi chị H trả hết nợ cho Ngân hàng E theo mức lãi suất trong Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy: thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế số 1602LAV2200003671 ngày 07/01/2022 là hoàn toàn tự nguyện; hình thức, nội dung không trái với các quy định của pháp luật, do đó, có hiệu lực pháp lý với các bên đã ký kết. Đây là khoản vay tín chấp không có tài sản đảm bảo. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H không có mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Đương sự không có tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng anh T, chị H nên cần buộc chị H phải trả số nợ của thẻ tín dụng số VL642527 và tiền lãi suất phát sinh như đã thỏa thuận là phù hợp đã ký kết trong hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế cho đến khi chị H thanh toán xong nợ.

[2.2]. Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng trong trường hợp anh T, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N004/EIBV-TDCN/BĐTS/22 ngày 06/01/2022 giữa Ngân hàng với anh T, chị H đều được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của bên nhận thế chấp là Ngân hàng và bên thế chấp là chủ tài sản anh T, chị H. Các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N004/EIBV-TDCN/BĐTS/22 ngày 06/01/2022 có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Trong trường hợp anh T, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu Chi cục thi hành án Dân sự xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng E thì chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng E đến khi trả hết nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo còn thừa sau khi đã thanh toán đầy đủ khoản nợ của anh T, chị H thì Ngân hàng phải trả lại cho anh H, chị T.

[3]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP X đã nộp số tiền chi phí tố tụng, không yêu cầu bị đơn anh T, chị H hoàn trả chi phí này cho Ngân hàng nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí, Điều 147 BLTTDS 2015.

Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 320, 351, 463, 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật dân sự; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của chính phủ;

- Căn cứ Điều 91, Điều 94 và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2011 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng E tổng số tiền nợ tính đến ngày 26/4/2023 đối với Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-220001325 ngày 07/01/2022 là 2.081.328.137đ (Hai tỷ không trăm tám mươi mốt triệu ba trăm hai mươi tám nghìn một trăm ba mươi bảy đồng). Trong đó, nợ gốc: 1.870.000.000đ (Một tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng, nợ lãi trong hạn: 66.857.556đ (Sáu mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn: 139.712.055đ (Một trăm ba mươi chín triệu bảy trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng), lãi trên số tiền chậm trả lãi: 4.758.526đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng).

Trường hợp anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ của Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-220001325 ngày 07/01/2022 thì Ngân hàng E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: quyền sử dụng thửa đất số 141, tờ bản đồ số 13, diện tích 283,5m^2 đất ở nông thôn, tại xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An. Thửa đất được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 17/12/2021 số DD158602, số vào sổ CH01351 cho anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N004/EIBV-TDCN/BĐTS/22 ngày 06/01/2022.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng đến khi trả hết nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo còn thừa sau khi đã thanh toán đầy đủ khoản nợ của anh T, chị H thì Ngân hàng phải trả lại cho anh H, chị T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-220001325 ngày 07/01/2022 . Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2. Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng E tổng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 26/4/2023 đối với thẻ tín dụng VL642527 là 163.168.926đ (Một trăm sáu mươi ba triệu một trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng), trong đó, nợ gốc: 94.890.497đ (Chín mươi bốn triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng), nợ lãi và phí 68.278.429đ (Sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng). Tiền lãi và phí tiếp tục được tính từ ngày 27/04/2023 cho đến khi chị Hạnh trả hết nợ cho Ngân hàng E theo mức lãi suất trong Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế đã ký.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Buộc anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 36.813.000đ (Ba mươi sáu triệu tám trăm mười ba nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 8.158.000đ (Tám triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền 35.069.000đ (Ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012618 ngày 03/11/2022.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm theo quy định pháp luật.

***Nơinhận*:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND h. Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HS.

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nghệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hằng **Đậu Cao Nhu** **Trần Thị Nghệ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀNG MAI – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Mai, ngày 17 tháng 9 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…..giờ…..phút, ngày 17 tháng 9 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ an

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và ông Trần Đình Sao.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 03/2020/ TLST - DS, ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam– Chi nhánh Bắc Nghệ An

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức Thọ – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ Trung – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An,

Địa chỉ: Khối 1, thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đồng bị đơn: Ông Hoàng Văn Ngoan, sinh năm 1973,

Bà Phan Thị Đức, sinh năm 1977,

Địa chỉ: Khối Thân Ái, phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Ngọc Lợi, sinh năm 1960,

Bà Hoàng Thị Hảo, sinh năm 1959,

Đều trú tại: Khối Phú Lợi 1, phường Quỳnh Dị, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Ông Trần Đăng Bảy, sinh năm 1973,

Bà Nguyễn Thị Hường, sinh năm 1975,

Đều trú tại: Khối Quang Trung, phường Quỳnh Phương, TX. Hoàng Mai, Nghệ An.

Anh Lê Ngọc Tuấn, sinh năm 1982,

Chị Lê Thị Tuyết, sinh năm 1983,

Đều trú tại: Khối Hồng Thái, phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An.

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ đã đ- ợc xem xét tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên toà, các quy định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về loại việc: Dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Biểu quyết: Nhất trí 3/3.

2. Điều luật áp dụng:

Căn cứ các Điều 466, Điều 241 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 277, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Biểu quyết: Nhất trí: 3/3.

3. Cách giải quyết các vấn đề yêu cầu:

Xử Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An.

Buộc anh Hoàng Văn Ngoan và chị Phan Thị Đức trả nợ tiền vay còn lại và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/9/2020 cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An số tiền 6.872.391.495đ (Sáu tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu ba trăm chín mươi mốt ngàn bốn trăm chín mươi lăm đồng), (trong đó nợ gốc là 6.271.000.000đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 601.391.495đ) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 16251240/2016-HĐTD/NHCT444, ngày 11/11/2016 và phụ lục hợp đồng.

Ông Trần Ngọc Lợi, bà Hoàng Thị Hảo phải có trách nhiệm giúp đỡ, cùng anh Hoàng Văn Ngoan và chị Phan Thị Đức thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An.

Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp tài sản số 16251240/2016-HĐTC/NHCT444 ngày 07/11/2016; 16251231/HĐTC ngày 07/11/2016; số 16251233/HĐTC ngày 07/11/2016 cho đến khi anh Hoàng Văn Ngoan và chị Phan Thị Đức thực hiện xong việc trả nợ.

Nếu anh Hoàng Văn Ngoan và chị Phan Thị Đức không trả được tiền nợ thì Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là tàu cá đăng ký số NA -99869-TS mang tên Hoàng Văn Ngoan và 01 bộ lưới; 240m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 832 tờ bản đồ số 126-77 ở khối Thân Ái, phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ an; 265m^2 đất ở, đất v- ờn và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 408 tờ bản đồ số 127-75 ở khối Phú Lợi 1, phường Quỳnh Dị, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ an.

Nếu anh Hoàng Văn Ngoan và chị Phan Thị Đức thực hiện việc trả nợ đúng, đủ theo bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An thực hiện thủ tục đăng ký xóa thế chấp tài sản, giải chấp tài sản và trả lại các giấy tờ (bản gốc) cho anh Hoàng Văn Ngoan.

Biểu quyết: Nhất trí 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Án phí: Anh Hoàng Văn Ngoan và chị Phan Thị Đức phải chịu 114.872.000đ; kỷ phần của mỗi người là ½ số tiền án phí.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An số tiền 57.663.000đ theo biên lai thu tiền số 0007049, ngày 21/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai.

Biểu quyết: Nhất trí 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảy **Trần Đình Sao** **Trần Ngọc Hà**